

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **316/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/11/2017

V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Nghiệp;**
2. Ông **Nguyễn Văn Hồng.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:

Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày **09** tháng **11** năm **2017** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2017/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2016 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 529/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 549/2017/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị O**, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Tổ 7, ấp B, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.
2. *Bị đơn:* Ông **Đặng Vũ H**, sinh năm 1988
Nơi cư trú: Tổ 2, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.
(Tại phiên tòa bà O có mặt; ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, bà Hồ Thị O trình bày: Hôn nhân của bà với ông Đặng Vũ H là do cha mẹ định đoạt, tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang ngày 17/01/2012. Sau khi cưới, về làm dâu tại gia đình ông H ở ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Trong thời gian sống chung thì ông H thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thậm chí còn đánh bà. Từ khoảng tháng 8/2016 thì bà với ông H đã không còn sống chung cho đến nay. Nay tình cảm không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà với ông H có 01 con chung tên Đặng Thị Trà M, sinh ngày 03/11/2010, hiện cháu M đang sinh sống với ông H. Khi ly hôn, bà đồng ý để con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chứng cứ bà O cung cấp cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình, chứng minh nhân dân (tất cả bản phô tô copy).

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tại biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và không tiến hành hòa giải được thì bà O vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dạy cháu M và không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung xác định không có.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án. Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Trần Thị V - mẹ ruột ông H cung cấp: Ông H có nhận được các Thông báo của Tòa án nhưng không về được do đi làm xa. Hôn nhân của bà O và ông H là do cha mẹ định đoạt, tổ chức lễ cưới vào năm 2009, cưới xong thì bà O làm dâu bên chồng, thời gian sau thì đi Tây Ninh trồng mì theo mùa, xong mùa thì về. Tháng 8/2016 thì hai bên cãi vả nhau, bà O bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân với ông H cho đến nay. Theo bà biết nguyên nhân là do ông H nhậu nhẹt, nóng tính, hai bên sui gia cũng không đứng ra hàn gắn. Bà O, ông H có một con chung là cháu Đặng Thị Trà M, hiện đang sống với gia đình bà, bà cũng yêu cầu cho ông H được tiếp tục nuôi con chung. Tài sản chung thì do sống làm dâu bên chồng nên bà O, ông H cũng không tạo lập được gì, còn nợ thì bà không biết nhưng cũng không thấy ai đến đòi. Ngoài ra theo biên bản lời khai cùng ngày của cháu Đặng Thị Trà M thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông H cùng ông bà nội.

Theo sổ hộ khẩu gia đình mà bà O cung cấp cho Tòa án thì ông H vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã V, theo sổ hộ khẩu số 1288 do bà Trần Thị Vân làm chủ hộ.

Tại phiên toà hôm nay: Bà O vẫn yêu cầu xin ly hôn với ông H, về con chung bà vẫn đồng ý để ông H nuôi dạy cháu M và bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, tài sản chung và nợ chung thì không có. Ông H vắng mặt lần thứ hai. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông H theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị O; giao cháu Đặng Thị Trà M cho ông H nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật của bà O; Tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hôn nhân giữa bà Hồ Thị O và ông Đặng Vũ H có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang ngày 17/01/2012, là hôn nhân hợp pháp nên yêu cầu xin ly hôn của bà O được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà O với ông H tiến tới hôn nhân là do cha mẹ định đoạt, tổ chức lễ cưới vào năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến tình cảm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Bà O và ông H đã ly thân nhau từ tháng 8/2016 cho đến nay, hai bên gia đình cũng không đứng ra hàn gắn. Hôn nhân giữa bà O với ông H thực tế không thể hàn gắn, thời gian ly thân hơn một năm, do đó việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Xét thấy cháu Đặng Thị Trà M, từ trước đến nay được ông H và gia đình ông H nuôi và chăm sóc, tình cảm giữa cháu M với ông H đã

thật sự gắn bó, tại phiên tòa bà O cũng đồng ý cho ông H tiếp tục nuôi cháu M là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu, do đó HĐXX công nhận.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, do ông H vắng mặt, không xác định được yêu cầu của ông H nhưng bà O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét tự nguyện của bà O là có lợi cho cháu M, thể hiện được trách nhiệm của người mẹ đối với con, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà O xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị O.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị O được ly hôn với ông Đặng Vũ H.

Về con chung: Ông H được tiếp tục nuôi dạy một con chung tên Đặng Thị Trà M, sinh ngày 03/11/2010. Công nhận sự tự nguyện của bà O về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000 đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà O trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Hồ Thị O phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai

thu số 0011165 ngày 10/7/2017. Bà O nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2017) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Phượng